

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 455/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Thu N, sinh năm 1970; căn cước công dân số: **079170040266** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày **10/5/2021**; nơi cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai;

- *Bị đơn*: Ông Văn Thành C, sinh năm 1970; căn cước công dân số: **080070007463** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày **02/7/2021**; nơi cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/4/2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thu N và ông Văn Thành C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu N và ông Văn Thành C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Ngô Thị Thu N và ông Văn Thành C trình bày có 03 con chung là Văn Nhật T, sinh ngày 22/5/1996, Văn Nhật N1, sinh ngày 10/02/1998 và Văn Nhật L, sinh ngày 11/7/2006. Hiện nay, các con đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Ngô Thị Thu N phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006511 ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho bà Ngô Thị Thu N 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Vĩnh Tân, TX. Vĩnh An, T.Đồng Nai (nay là UBND xã Tân An, T.Đồng Nai), GCNKH số 21 ngày 28/6/1994;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Thùy Trinh**